Ngày soạn: 10/9/2021

**Tiết 4 §4. PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ SỐ TỰ NHIÊN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này, HS cần:

- Nhận biết được số hạng, tổng, số bị trừ, số trừ, hiệu.

- Nhận biết được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí.

+ Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra. Có ý thức tìm tòi, khám phá và vận dụng sáng tạo kiến thức để giải quyết vấn đề thực tiễn.

- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của nhóm.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

# II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. GV:** Đồ dùng hay hình ảnh , phiếu học tập số 1, phấn màu...

**2. HS**: SGK, nháp, bút, tìm hiểu trước bài học.

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**Hoạt động 1: Mở đầu( Khởi động) (3 phút)**

***a) Mục tiêu:*** HS thấy được nhu cầu sử dụng các phép tính cộng, trừ trong đời sống hằng ngày.

***b) Nội dung:*** Tìm hiểu bài toán ở đầu bài: “Mai đi chợ mua cà tím hết 18 000 đồng, cà chua hết 21 000 đồng và rau cải hết 30 000 đồng. Mai đưa cô bán hàng tờ 100 000 đồng thì được trả lại bao nhiêu tiền?”

***c) Sản phẩm:***

Để tính số tiền Mai phải trả cho cô bán hàng, ta phải cộng số tiền mua cà tím, số tiền mua cà chua và số tiền mua rau cải.

Để số tiền Mai được trả lại, ta lấy 100 000 đồng trừ đi số tiền Mai phải trả.

***d) Tổ chức thực hiện:***

# - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

+ GV chiếu đề bài lên màn hình.

+ Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:

Câu hỏi 1: Nêu cách tính số tiền Mai phải trả cho cô bán hàng.

Câu hỏi 2: Nêu cách tính số tiền Mai được trả lại.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (25 phút)**

**1. Phép cộng hai số tự nhiên**

***a) Mục tiêu:*** Giúp học sinh nhớ lại khái niệm số hạng và tổng.

***b) Nội dung:*** *Học sinh thực hiện theo các chỉ dẫn của GV:*  Đọc hiểu và Vận dụng 1.

***c) Sản phẩm:***

**1. Phép cộng hai số tự nhiên**

a. Cộng hai số tự nhiên

- Phép cộng hai số tự nhiên a và b cho ta một số tự nhiên gọi là tổng của chúng, kí hiệu là a + b.



***-* Vận dụng 1**:

Diện tích gieo trồng lúa vụ Thu Đông năm 2018 của Đồng bằng sông Cửu Long là:

713 200 + 14 500 = 727 700 (ha)

***d) Tổ chức thực hiện***

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

+ Học sinh nghe GV nhắc lại về phép cộng hai số tự nhiên: số hạng, tổng và minh họa phép cộng nhờ tia số.

+ Làm bài tập: **Vận dụng 1**. Diện tích gieo trồng lúa vụ Thu Đông năm 2019 vùng Đồng bằng sông Cửu Long ước tính đạt 713 000 ha, giảm 14 500 ha so với vụ Thu Đông năm 2018. Hãy tính diện tích gieo trồng lúa mùa vụ Thu Đông năm 2018 của Đồng bằng sông Cửu Long.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung, ghi vở.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS hình thành kiến thức mới.

**2. Tính chất của phép cộng**

**a) *Mục tiêu:*** HS nhớ lại tính chất của phép cộng. Hình thành thói quen quan sát, lập kế hoạch tính toán hợp lí.

***b) Nội dung hoạt động:*** GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện để khái quát tới hai tính chất cơ bản của phép cộng.

***c) Sản phẩm:*** Hai tính chất của phép cộng, Luyện tập 1.

**b. Tính chất của phép cộng**

**- Phiếu học tập số 1**

Câu 1:

a) a + b = 59, b + a = 59.

b) a + b = b + a.

Câu 2:

a) a + b = 55, b + a = 55.

b) a + b = b + a.

Câu 3:

a) (a + b) + c = 62, a + (b + c) = 62.

b) (a + b) + c = a + (b + c).

Câu 4:

a) (a + b) + c = 69, a + (b + c) = 69.

b) (a + b) + c = a + (b + c).

- Phép cộng số tự nhiên có các tính chất:

 + giao hoán: a + b = b + a.

 + kết hợp: (a + b) + c = a + (b + c).

- **Luyện tập 1:**

 117 + 68 + 23 = (117 + 23) + 68 = 140 + 68 = 208

***d) Tổ chức thực hiện***

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

+ GV chia lớp thành 8 nhóm thực hiện **Phiếu học tập số 1.**

+ GV khái quát hai tới hai tính chất của phép cộng.

+ GV giới thiệu nội dung **Chú ý.**

**+** GV trình bài Ví dụ 1, hướng dẫn cho học sinh cách ghép cặp phù hợp.

+ Học sinh thực hiện **Luyện tập 1** theo nhóm đôi.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung, ghi vở.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS hình thành kiến thức mới.

GV: Yêu cầu HS đọc phần đóng khung và đánh dấu học.

**3. Phép trừ số tự nhiên**

**a) *Mục tiêu:*** Giúp học sinh nhớ lại khái niệm số bị trừ, số trừ và hiệu.

***b) Nội dung hoạt động:*** GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện để hình thành kiến thức về cách viết tập hợp.

***c) Sản phẩm:*** Phép trừ số tự nhiên; Luyện tập 2; Vận dụng 2.

**2. Phép trừ số tự nhiên**

- Câu 1: a) 3 + 4 = 7; b) 7 – 4 = 3;

 Câu 2: 95 – 57 = 38; 95 – 38 = 57.

- Với hai số tự nhiên a, b đã cho, nếu có số tự nhiên c sao cho a = b + c thì ta có phép trừ a – b = c.

 Trong tập hợp số tự nhiên, phép trừ a – b chỉ thực hiện được nếu a  b.

- Luyện tập 2

 865 279 – 45 027 = 820 252

- Vận dụng 2

 Số tiền Mai phải trả:

 18 000 + 21 000 + 30 000 = 69 000 (đồng)

 Số tiền Mai được trả lại:

 100 000 – 69 000 = 31 000 (đồng)

***d) Tổ chức thực hiện***

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

+ Học sinh trả lời nhanh:

Câu 1: Tính: a) 3 + 4; b) 7 – 4;

Câu 2: Biết 57 + 38 = 95. Tính 95 – 57 và 95 – 38.

+ Học sinh nghe GV nhắc lại về phép trừ hai số tự nhiên: số bị trừ, số trừ, hiệu, minh họa phép trừ nhờ tia số và điều kiện để thực hiện được phép trừ trong tập hợp các số tự nhiên.

+ Học sinh thực hiện **Luyện tập 2**.

+ Học sinh thực hiện **Vận dụng 2**.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung,ghi vở.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS hình thành kiến thức mới.

GV: Yêu cầu HS đọc phần đóng khung và đánh dấu học.

 **Hoạt động 3: Luyện tập (10 phút)**

**a*) Mục tiêu:*** Củng cố về các phép tính cộng và trừ số tự nhiên.

***b) Nội dung:*** HS thực hiện: Bài 1.17, 1.18, 1.19 (SGK/16)

***c) Sản phẩm:*** Bài 1.17, 1.18, 1.19

**Bài 1.17**:

a) 63 548 b) 129 107

 + 19 256 – 34 693.

 82 804 94 414

**Bài 1.18:**

*6 789* + 2 895 = 2 895 + 6 789

**Bài 1.19:**

a) 7 + x = 362

 x = 362 – 7

 x = 355

b) 25 – x =15

 x = 25 – 15

 x = 10

c) x – 56 = 4

 x = 4 + 56

 x = 60

***d) Tổ chức thực hiện***

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Bài 1.17**: Tính tổng, hiệu bằng cách đặt tính:

a) 63 548 + 19 256; b) 129 107 – 34 693.

**Bài 1.18:** Thay “?” bằng số thích hợp:

? + 2 895 = 2 895 + 6 789

**Bài 1.19:** Tìm x thỏa mãn:

a) 7 + x = 362;

b) 25 – x =15;

c) x – 56 = 4.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV đánh giá kết quả của HS,củng cố.

**Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)**

**a*) Mục tiêu:*** Giải quyết bài toán thực tiễn

***b) Nội dung:*** Học sinh làm bài 1.20.

***c) Sản phẩm:*** Bài tập 1.20

***Bài 1.20:***

Ước tính dân số Việt Nam đầu năm 2021:

97 000 000 + 830 000 = 97 830 000 (người)

***d) Tổ chức thực hiện***

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Học sinh làm bài tập 1.20: Năm 2020 dân số Việt Nam ước tính khoảng 97 triệu người và dự kiến tới đầu năm 2021 sẽ tăng thêm khoảng 830 nghìn người. Ước tính dân số Việt Nam đầu năm 2021.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV đánh giá kết quả của HS, HDVN

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà(2 phút)**

- Ôn tập lại kiến thức về phép tính cộng và trừ số tự nhiên.

 - Làm các bài tập 1.21, 1.22 (SGK/16).

***-*** Tìm hiểu trước bài 5. ***Phép nhân và phép chia số tự nhiên***

#  IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

 **V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(****Đính kèm các phiếu học tập/bảng điểm****)*

**Phiếu học tập số 1: (Slide)**

Câu 1: Cho a = 23 và b = 36.

 a) Tính a + b và b + a. b) So sánh các kết quả nhận được ở câu a).

Câu 2: Cho a = 37 và b = 18.

 a) Tính a + b và b + a. b) So sánh các kết quả nhận được ở câu a).

Câu 3: Cho a = 17, b = 19, c = 26.

 a) Tính (a + b) + c và a + (b + c). b) So sánh các kết quả nhận được ở câu a).

Câu 4: Cho a = 11, b = 23, c = 35.

 a) Tính (a + b) + c và a + (b + c). b) So sánh các kết quả nhận được ở câu a).

# TIẾT 6 + 7 §5: PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA SỐ TỰ NHIÊN

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được thừa số, tích; số bị chia, số chia, số dư trong phép chia hết và phép chia có dư.

- Nhận biết được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép nhân; tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.

- Nhận biết được khi nào trong một tích có thể không sử dụng dấu phép nhân giữa các thừa số

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**- Năng lực riêng:**

**+** Sử dụng linh hoạt các kí hiệu của phép nhân ( a × b; a.b; ab tùy hoàn cảnh cụ thể).

+ Tìm được tích của hai thừa số; tìm được thương và số dư ( nếu có) của một phép chia.

+ Vận dụng được các tính chất của phép nhân và phép cộng trong tính toán.

+ Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV: +** Laptop

 + Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập

**2 . HS** : Mang đầy đủ đồ dùng học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS biết sử dụng phép nhân, phép chia trong thực tế cuộc sống.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời

**c) Sản phẩm:** HS hình thành nhu cầu sử dụng phép tính nhân, chia.

**d) Tổ chức thực hiện:**

 **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV đặt vấn đề qua bài toán mở đầu hoặc một bài toán khác phù hợp với nội dung kiến thức “ Mẹ em mua một túi 10kg gạo ngon loại 20 nghìn đồng một kilogam. Hỏi mẹ em phải đưa cho cô bán hàng bao nhiêu tờ 50 nghìn đồng để trả tiền gạo?”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu viết ra vở nháp.

 **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

 **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Để giải được bài toán trên, cũng như hiểu rõ hơn về các tính chất của phép nhân, phép chia, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay.” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Phép nhân số tự nhiên**

**a) Mục tiêu:**

+ Giúp HS nhớ, nhận biết lại và sử dụng được các thuật ngữ phép nhân: thừa số, tích.

+ Nhận biết được khi nào trong một tích có thể không sử dụng dấu nhân ở giữa các thừa số.

+ Củng cố phép đặt tính nhân và kĩ năng tính nhẩm.

+ Giúp HS trải nghiệm dẫn đến nhận biết các tính chất quen thuộc của phép nhân.

+ Giải quyết được bài toán thực tiễn.

+ Giúp HS hình thành thói quen quan sát, lập kế hoạch tính toán hợp lí.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**

**1. Phép nhân số tự nhiên**

**a. Nhân hai số tự nhiên**

+ Phép nhân hai số tự nhiên a và b cho ta một số tự nhiên gọi là tích của a và b, kí hiệu a × b hoặc a.b

**KH:** a .b = a + a + ... + a ( b là số hạng)

VD: 5 . 4 = 5 + 5 + 5 + 5 = 20

16. 3 = 16 + 16 + 16 = 48

**Chú ý:** Nếu các thừa số đều bằng chữ, hoặc chỉ có một thừa số bằng số thì ta có thể không viết dấu nhân giữa các thừa số.

Chẳng hạn, a.b = ab ; 2.m = 2m

*Ví dụ 1:*

 7 3 8

× 4 8

 5 9 0 4

 2 9 5 2

 3 5 4 2 4

*Luyện tập*

a) 834.57 = 47538

b) 603. 295 = 177885

*Vận dụng 1:*  Giải:

Bác Thiệp phải trả số tiền là:

350 × 250 = 87 500 ( đồng)

Đ/s: 87 500 đồng.

**b. Tính chất của phép nhân**

Phép nhân có các tính chất:

+ **Giao hoán**: ab = ba

+ **Kết hợp**: (ab)c = a(bc)

+ **Phân phối** của phép nhân đối với phép cộng: a(b+c) = ab + ac

***\* Chú ý:***

+ a .1 = 1 . a =a

a . 0 = 0 . a = 0

 + Tích (ab)c hay a(bc) gọi là tích của ba số a, b, c và viết gọn là abc.

*Ví dụ 2:*

24 . 25 = ( 6 . 4) . 25 = 6. ( 4. 25) = 6 × 100 = 600

*Luyện tập 2:*

125 . 8 001 . 8 = ( 125 . 8) . 8 001 = 1000 . 8 001 = 8 001 000

*Vận dụng 2:* Giải

Nhà trường cần dùng tất cả số bóng đèn LED là:

32 × 8 = 256 (bóng)

Nhà trường phải trả số tiền mua bóng đèn LED là:

256 × 96000 = 24 576 000

Đáp số: 24 576 000 đ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV cho HS phát biểu về khái niệm nhân hai số tự nhiên.

+ GV phân tích khái niệm, nêu thêm ví dụ và cho HS áp dụng để tính toán:

5 . 4 = 5 + 5 + 5 + 5 = 20

16. 3 = 16 + 16 + 16 = 48

+ GV cho HS đọc phần chú ý và phân tích.

+ GV yêu cầu HS áp dụng làm **Ví dụ 1.**

(GV gợi ý cách trình bày phép đặt tính nhân -> chữa và phân tích kĩ cách làm)

+ GV yêu cầu HS làm **Luyện tập 1**

(GV lưu ý lại cho HS cách trình bày, khắc phục những sai sót của HS)

**+** HS áp dụng kiến thức làm **Vận dụng 1** (Giải quyết bài toán thực tiễn).

( GV có thể tổ chức HĐ nhóm. Chia lớp thành 2 hoặc 4 nhóm).

+ GV tổ chức lớp thành 3 nhóm. Mỗi nhóm thực hiện một HĐ trong các HĐ sau và cử đại diện lên trình bày.

**HĐ1**: Cho a = 12 và b = 5. Tính a.b ; b.a và so sánh kết quả.

**HĐ2:** Tìm số tự nhiên c sao cho ( 3 . 2) . 5 = 3. ( 2 . c )

**HĐ3: Tính và so sánh**

 3 . (2 + 5) = 3 . 2 + 3 . 5

+ GV đặt câu hỏi: Các kết quả cho thấy phép nhân có những tính chất nào?

=> GV khái quát ( quy nạp ) tới ba tính chất của phép nhân.

+ GV lưu ý cho HS trong phần **Chú ý.**

**+** GV cho HS hoàn thành kết quả tính toán sau ra nháp:

2 × 5 = …

4 × 25 = …

8 × 125 = …

=> Rút ra nhận xét khi tính các tích có chứa các cặp thừa số như thế ta nên nhóm chúng lại với nhau.

GV cho HS xem ví dụ 2

 + GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 2, hoàn thành phiếu học tập .

 a) 32 . 25 = b) 125. 8001. 8 =

+ GV yêu cầu HS nhận xét kết quả , qua đó củng cố kĩ năng tính nhẩm.

 **+** GV : Chiếu đề bài toán vận dụng 2

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

 + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.

+ GV: quan sát và trợ giúp HS.

 **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

 +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

 **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại.

**Hoạt động 2: Phép chia hết và phép chia có dư**

**a) Mục tiêu:**

+ HS ôn lại phép đặt tính chia giúp HS liên hệ đến các khái niệm.

+ Củng cố phép đặt tính chia.

+ Vận dụng thực tế.

+ Giải quyết được bài toán mở đầu.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**

**2. Phép chia số tự nhiên**



+ Với hai số tự nhiên a, b đã cho, ( b $\ne $0)ta luôn tìm được q và r $\in $ N sao cho a = bq + r, trong đó 0 $\leq $ r < b.

+ Nếu r = 0 thì ta có **phép chia hết** a : b = q; a là số bị chia, b là số chia, q là thương.

+ Nếu r $\ne $ 0 thì ta có phép chia có dư a: b = q (dư r); a là số bị chia, b là số chia, q là thương và r là số dư.

Ví dụ 3:



=> 4847 : 131 = 37 ( dư 0)



=> 6580 : 157 = 35 ( dư 85)

*Ví dụ 4:*

Vì 487 : 45 = 10 ( dư 37) nên xếp đủ 10 xe thì còn thừa 37 người và phải dùng thêm 1 xe nữa để chở hàng hết những người này.

\* Bài toán mở đầu (SGK)

- Số tiền mua 10kg gạo

 10. 20000 = 200.000đ

- Số tờ giấy bạc 50000đ là

 200000 : 50000

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV mời hai HS lên bảng, mỗi em thực hiện một phép đặt tính chia ( **HĐ4**) và trả lời câu hỏi của **HĐ5.**

( Các HS còn lại làm trong vở nháp)

**HĐ4:** Thực hiện các phép chia 196 : 7 và 215 : 18.

**HĐ5:** Trong hai phép chia trên, hãy chỉ ra phép chia hết và phép chia có dư. Trong mỗi trường hợp, hãy cho biết số bị chia, số chia, thương và số dư ( nếu có).

+ GV nêu nhận xét về phép đặt tính và kết luận của HS về số bị chia, số chia, số dư.

+ GV phân tích quan hệ giữa các đại lượng: số bị chia, số chia, thương và số dư.

* **Chú ý:** Trong phép chia có dư, số dư bao giờ cũng nhỏ hơn số chia.

+ GV phân tích **Ví dụ 3** qua trình chiếu Slide và lưu ý cách đặt tính phép chia và khắc họa cho HS cách viết a : b = q ( dư r)

+ GV yêu cầu HS tự làm **Luyện tập 3**( ở nhà)

GV chiếu đề bài ví dụ 4:

+ GV yêu cầu HS phân tích và trình bày ý tưởng bài toán

**+** HS áp dụng kiến thức giải **Vận dụng 3:** *Bài toán mở đầu.*

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

 + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.

+ GV: quan sát và trợ giúp HS.

 **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

 +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

 **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập:* **Bài 1.25 ; 1.27**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.*

**Bài 1.25 :**

a) 125 . 101 = 125 . ( 100 + 1) = 125 . 100 + 125 . 1

b) 21 . ( 50 – 1) = 21. 50 – 21 . 1= 1050 – 21 = 1029

**Bài 1.27 :**

**a) b)**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để và khắc sâu kiến thức.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 1.26 ; 1.29**

**Bài 1.26 :** HD : 50 × 11 × 4 = 2 200 ( chỗ ngồi).

Vậy trường có thể nhận nhiều nhất 2 200 HS để tất cả các em đều có chỗ ngồi học.

**Bài 1.29 :** HD**:** Ta có 997 : 5 = 199 ( dư 2).

Vậy trường cần ít nhất 200 ghế băng để tất cả học sinh đều có chỗ ngồi

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp****đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:+ Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.+ Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.+ Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:+ GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..+ GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.- Hệ thống câu hỏi và bài tập- Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập và làm thêm bài tập **1.24**; **1.28**; **1.30**.

- Chuẩn bị trước bài “ **Luyện tập chung**”: Ôn lại toàn bộ kiến thức từ Bài 1 -> Bài 5 và xem trước các bài tập.